

Câu điều kiện loại 1

Cấu trúc:

Mệnh đề điều kiện	Mệnh đề chính
If + S + V(s/es)	S + will/can/shall + V(nguyên mẫu)
IF+ thì hiện tại đơn	Will + Động từ nguyên mẫu

Bài 1: Put the verbs in the brackets in the correct tense

1. David will leave for Rent tomorrow if the weather _____ (be) fine.
2. What will you do if you _____ (not / go) away for the weekend ?
3. The game _____ (start) if you put a coin in the slot.
4. If you _____ (be) scared of spiders, don't go into the garden.
5. We'll have to go without John if he (not arrive) _____ soon.
6. Please don't disturb him if he_____ (be) busy.
7. If she _____ (accept) your card and roses, things will be very much hopeful.
8. If a holiday_____ (fall) on a weekend, go to the beach.
9. If she (come) _____ late again, she'll lose her job.
10. If he (wash) _____my car, I'll give him \$20.
11. He'll be late for the train if he (not start) _____ at once.
12. If I lend you \$100, when you (repay) _____me?
13. Unless I have a quiet room I (not be able) _____to do any work.
14. If we leave the car here, it (not be) _____ in anybody's way.
15. Someone (steal) _____ your car if you leave it unlocked.

16. Unless he (sell) _____ more, he won't get much commission.

17. If you come late, they (not let) _____ you in.

18. If you (not go) _____ away I'll send for the police.

19. If he _____ (eat) all that, he will be ill.

20. What _____ (happen) if my parachute does not open?

Câu điều kiện loại 2

Mệnh đề if	Mệnh đề chính
<i>If + S + V (past simple)</i>	<i>S + would/ could + V-inf</i>

Bài 1: Chọn đáp án đúng.

1. If I (were/was/would be) rich, I (will try/would try/tried) to help the poor.

2. What (would you do/will you do/did you do) if you (see/would see/saw) a huge spider in your shoe?

3. If I (was/would be/were) you, I (asked/would ask/will ask) for their help.

4. If he (finded/would find/found) a wallet in the street, he (would take/took/taked) it to the police.

5. If she (were/was/would be) a colour, she (is/would be/were) red.

6. They (were/would be/will be) terrified if they (saw/see/would see) aliens in their garden.

.. the most expensive car if I (want/wanted/will want/would want)

6. If I (travel/traveled/would travel) somewhere, I (stay/will stay/would stay/would have stayed) in the most luxurious hotels.

7. But I (am not/will not be/would not be) too materialistic if I (have/had/will have/would have) millions of dollars.

8. I (help/will help/would help) the poor if I (become/became/had become) a millionaire.
9. I (give/will give/would give) some money to charities, if I (am/will be/would be/were) rich.
10. If I (have/had/will have/would have) millions of dollars, I (am not/will not be/would not be) mean.

Bài 2. Cho dạng đúng của động từ trong ngoặc

1. If I (have) a lot of money, I (buy) a yacht.
2. If I (be) a baby, I (cry) all of the time.
3. If she (eat) lots of chocolate, she (have) bad teeth.
4. If I (not have) a pencil, I (borrow) one.
5. If he (not have to) go to school, he (watch) television all day.
6. If she (have) good grades, she (be) happy.
7. My boss (be) very pleased if I (finish) the job.
8. I (not go) to school if I (have) a bad cold.
9. If she (earn) some money, she (buy) a new dress.
10. If I (invite) fifty friends to my birthday party, my parents (be) mad.
11. If he (start) at once, he (arrive) there by midday.
12. Tom (be) sick if he (eat) all those chocolates.
13. If I (lose) my glasses, I (not be) able to read.
14. You (become) ill if you (forget) your jacket.
15. If the weather (get) colder, I (buy) a new coat.

Câu điều kiện loại 3

Mệnh đề if	Mệnh đề chính
------------	---------------

If + S + had + PII,

S + would/ could + have + PII

Bài 1. Cho dạng đúng của động từ trong ngoặc.

- If I had known my friend was in the hospital, I (go) to see her.
- I did not see you in the pool yesterday. If I had seen you, I (swim) with you.
- My mother did not go to the gym yesterday. She (go) if she had not been so tired.
- She (not/ leave) home if her father had not disturbed her.
- If he had been looking in front of himself, he (not/ walk) into the wall.
- The view of the mountain was wonderful. If I had had a camera, I (take) some pictures.
- She was not thirsty. If she had been thirsty, she (drink) some water.
- If my grandmother had gone to the university, she (study) science. She likes science a lot.
- If I had known how to swim, I (swim) when we went to the beach.
- If you had given a direct address to me, I (find) that museum easily.
- If I had had enough money, I (buy) a big house for myself.
- We (go) for the picnic yesterday if the weather had not been rainy.

Bài 2.

- If the weather (be) nice, they (play) football.
- If we (go) to a good restaurant, we (have) a better dinner.

- If John (learn) more words, he (write) a good report.
- If the boys (take) the bus to school, they (arrive) on time.
- If the teacher (explain) the homework, I (do) it.
- If they (wait) for another 10 minutes, they (see) the pop star.
- If the police (come) earlier, they (arrest) the burglar.
- If you (buy) fresh green vegetables, your salad (taste) better.
- If Alex (ask) me, I (email) her the documents.
- If he (speak) more slowly, Peggy (understand) him.

(*) Hoàn thành những câu sau sử dụng từ trong ngoặc và câu điều kiện hỗn hợp

1. English is important in this job. If Isabel (not speak) it, she..... (not understand) most of our hotel guests.
2. Tony misread the map. That's why he got lost. If he (read) the map properly, he (not get) lost.
3. If you're not using your old digital camera, why (you/not sell) it? If I (be) you, I(advertise) it on the internet and sell it.
4. You had the car key with you all the time, didn't you? Don't be silly! If I (have) the car key, I..... (not ask) you for it right now, would I?
5. If the weather (not be) so miserable yesterday, we..... (go) out fishing.

1. Câu điều kiện hỗn hợp loại 1

Giả thiết về một hành động, sự việc sẽ xảy ra ở hiện tại nếu điều kiện nói tới trong quá khứ có thật.

Mệnh đề điều kiện	Mệnh đề chính
If + S + had + Vpp/V-ed	S + would + V-inf
If + câu điều kiện loại 3	câu điều kiện loại 2

***Lưu ý:** Câu điều kiện hỗn hợp loại 1 có mệnh đề if sử dụng về đầu câu điều kiện loại 3, về sau là câu điều kiện loại 2.

Ví dụ: If I had worked harder, then I would be rich now. => Ta thấy được sự việc "giàu có" ở hiện tại không có thật bởi hành động "làm việc chăm chỉ" đã không xảy ra trong quá khứ.

2. Câu điều kiện hỗn hợp loại 2

Giả thiết về một hành động, sự việc sẽ xảy ra trong quá khứ nếu điều kiện nói tới có thật.

Mệnh đề điều kiện	Mệnh đề chính
If + S + V-ed	S + would/could/might + have + Vpp/V-ed
If + câu điều kiện loại 2	câu điều kiện loại 3

***Lưu ý:** Câu điều kiện hỗn hợp loại 2 có mệnh đề if sử dụng về đầu câu điều kiện loại 2, về sau là câu điều kiện loại 3.

Ví dụ: If I were you, I would have bought it. => Ta thấy được hành động "mua" đã không xảy ra, bởi điều kiện "tôi là bạn" không có thật.

3. Bài tập

Bài 1:

1. We (have) _____ enough time if we wanted to see the castle.
2. In case you (buy) _____ a car, will you teach me to drive?
3. She (get) _____ angry if you had told her.
4. If they (support) _____ our product when we asked them, they would get a discount now.
5. Even if I (ask) _____ him, he won't come.
6. It will be a disaster unless Joyce (help) _____ us.
7. If you (have) _____ something to eat in the morning, you wouldn't feel sick now.
8. I wouldn't risk it if I (be) _____ you.
9. The chicken isn't very good. It (taste) _____ better if you had put some spices on it.
10. I won't go to the dance unless you (join) _____ me.
13. Unless she (fail) _____ the test she will get her driving licence next week.

Bài 2:

1. How would you explain the meaning of this word if you (not know) _____ it?
2. We (not be) _____ angry if you had refused the dinner.
3. If I were you, I (not take) _____ it.
4. If Ken (not mend) _____ the car, who will do it?
5. If I (not be) _____ in a hurry when I got up, I wouldn't catch the train.
6. She won't finish it on time if she (not start) _____ right now.
7. Had I driven slowly, I (not crash) _____.

8. She would get fat if she (not stop) _____ eating.
9. Had he not let me know, I (not collect) _____ him at the airport tomorrow morning. (not collect)

Bài 3:

1. If you take my advice, you (be) _____ happy.
2. What would you do if you (be) _____ me?
3. If you (lend) _____ me some books I will give them back in two weeks.
4. I (send) _____ her a letter if I had found her address.
5. She the bread if she hadn't been hungry.
6. If she (come) _____ here I will tell her about the film.
7. I will be unhappy if you (leave) _____ me.
8. If you hadn't been so crazy you (not/buy) _____ this expensive house.
9. If the sun (shine) _____ I will go to the beach.
10. If I (win) _____ the lottery I would leave my country.